

Bài 7 HỢP CHỨNG QUỐC HOA KÌ (tiếp theo)

Tiết 3. Kinh tế

I - ĐẶC ĐIỂM CHUNG

1. Quy mô nền kinh tế

Hoa Kỳ thành lập năm 1776, nhưng đến năm 1890 nền kinh tế đã vượt qua Anh, Pháp để giữ vị trí đứng đầu thế giới cho đến ngày nay.

Bảng 7.4. GDP của Hoa Kỳ và một số châu lục - năm 2004

(Đơn vị : tỉ USD)

Toàn thế giới	40887,8
Hoa Kỳ	11667,5
Châu Âu	14146,7
Châu Á	10092,9
Châu Phi	790,3

Dựa vào bảng 7.4, hãy so sánh GDP của Hoa Kỳ với thế giới và một số châu lục. Nhận xét.

2. Nền kinh tế thị trường

Hoa Kỳ có nền kinh tế thị trường điển hình. Sự phát triển kinh tế của Hoa Kỳ phụ thuộc rất nhiều vào mức độ tiêu thụ hàng hoá và sử dụng dịch vụ trong nước. Năm 2002, người tiêu dùng và các nhà đầu tư của Hoa Kỳ đã mua sắm lượng hàng hoá có giá trị hơn 7384 tỉ USD. Sức mua trong dân cư lớn là nhân tố chủ yếu làm tăng GDP của Hoa Kỳ.

Hoạt động kinh tế dựa trên cơ sở quan hệ cung cầu. Ở Hoa Kỳ đã hình thành hàng triệu tổ chức hợp tác với hình thức rất đa dạng. Các loại hình hợp tác tiêu thụ, tập đoàn sản xuất công nghiệp... đã tạo nên sự liên kết

chặt chẽ, linh hoạt giữa sản xuất và tiêu thụ. Nguồn vốn, các phát minh, sáng chế cũng được trao đổi theo cơ chế thị trường, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

3. Tính chuyên môn hoá của nền kinh tế

Nền kinh tế của Hoa Kỳ có tính chuyên môn hoá cao.

Trong công nghiệp, chuyên môn hoá được thể hiện rõ trong các ngành chế tạo máy bay, ô tô, chế biến thực phẩm... với nhiều sản phẩm có thương hiệu nổi tiếng. Ví dụ : Boeing, Ford, Coca Cola,...

Trong nông nghiệp, trước đây hình thành các vùng chuyên canh điển hình, như : các vành đai rau, lúa mì, ngô, nuôi bò sữa,... tạo nên khối lượng nông sản hàng hoá rất lớn. Ngày nay, sản xuất đã trở nên đa canh phức tạp, nhưng những sản phẩm nông nghiệp chính vẫn phân bố khá tập trung.

II - CÁC NGÀNH KINH TẾ

1. Dịch vụ

Dịch vụ của Hoa Kỳ phát triển mạnh, tỉ trọng giá trị dịch vụ trong GDP năm 1960 là 62,1%, đến năm 2004 là 79,4%. Hoạt động dịch vụ rất đa dạng, không chỉ ở trong nước mà còn mở rộng trên toàn thế giới.

a) Ngoại thương

Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu của Hoa Kỳ năm 2004 là 2344,2 tỉ USD chiếm khoảng 12% tổng giá trị ngoại thương thế giới. Từ năm 1990 đến năm 2004, giá trị nhập siêu ngày càng lớn : năm 1990 nhập siêu 123,4 tỉ USD, năm 2004 nhập siêu 707,2 tỉ USD.

b) Giao thông vận tải

Hệ thống các loại đường và phương tiện vận tải của Hoa Kỳ hiện đại nhất thế giới. Hoa Kỳ có số sân bay nhiều nhất thế giới với 30 hãng hàng không lớn hoạt động, vận chuyển 1/3 tổng số hành khách trên thế giới. Năm 2004, Hoa Kỳ có tới 6,43 triệu km đường ô tô và 226,6 nghìn km đường sắt. Ngoài ra, vận tải biển và vận tải đường ống cũng rất phát triển.



Hình 7.5. Một góc thành phố Lốt An-giơ-lét

c) Các ngành tài chính, thông tin liên lạc, du lịch

Năm 2002, Hoa Kỳ có hơn 600 nghìn tổ chức ngân hàng, tài chính thu hút khoảng 7 triệu lao động. Ngành ngân hàng và tài chính hoạt động khắp thế giới, đang tạo ra nguồn thu lớn và nhiều lợi thế cho kinh tế Hoa Kỳ.

Thông tin liên lạc của Hoa Kỳ rất hiện đại, các vệ tinh và hệ thống định vị toàn cầu (GPS) cung cấp dịch vụ viễn thông cho nhiều nước trên thế giới.

Ngành du lịch phát triển mạnh. Năm 2004 có 1,4 tỉ lượt khách đi du lịch trong nước và hơn 46 triệu lượt khách nước ngoài đến Hoa Kỳ. Doanh thu du lịch (từ khách quốc tế) năm 2004 là 74,5 tỉ USD.

2. Công nghiệp

Công nghiệp là ngành tạo nguồn hàng xuất khẩu chủ yếu của Hoa Kỳ. Tuy nhiên, tỉ trọng giá trị sản lượng công nghiệp trong GDP có xu hướng giảm : năm 1960 là 33,9%, năm 2004 là 19,7%.

Bảng 7.5. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp của Hoa Kỳ - năm 2004

Sản phẩm	Sản lượng	Xếp hạng trên thế giới
Than đá (triệu tấn)	1069	2
Dầu thô (triệu tấn)	437	3
Khí tự nhiên (tỉ m ³)	531	2
Điện (tỉ kWh)	3979	1
Nhôm (triệu tấn)	2,5	4
Ô tô (triệu chiếc)	16,8	1

Sản xuất công nghiệp của Hoa Kỳ gồm ba nhóm ngành :

☐ Công nghiệp khai khoáng đứng đầu thế giới về khai thác phốt phát, molybden, thứ hai về vàng, bạc, đồng, chì, than đá và thứ ba về dầu mỏ.

☐ Công nghiệp chế biến chiếm 84,2% giá trị hàng xuất khẩu và thu hút trên 40 triệu lao động (năm 2004). Các ngành công nghiệp chế biến quan trọng nhất là : hoá chất, chế tạo máy móc, điện tử ☐ viễn thông, chế biến thực phẩm, sản xuất phương tiện giao thông vận tải.

☐ Công nghiệp điện lực gồm nhiệt điện, điện nguyên tử, thủy điện và cả điện địa nhiệt, điện mặt trời, điện từ gió...

Cơ cấu giá trị sản lượng giữa các ngành công nghiệp có sự thay đổi : giảm tỉ trọng của các ngành công nghiệp luyện kim, dệt, gia công đồ nhựa,... tăng tỉ trọng của các ngành công nghiệp hàng không - vũ trụ, điện tử...

Trước đây, sản xuất công nghiệp tập trung chủ yếu ở vùng Đông Bắc với các ngành công nghiệp truyền thống như : luyện kim, chế tạo ô tô, đóng tàu, hoá chất, dệt... Hiện nay, sản xuất công nghiệp mở rộng xuống vùng phía Nam và ven Thái Bình Dương, phát triển mạnh các ngành công nghiệp hiện đại như : hoá dầu, hàng không [vũ trụ, công nghệ thông tin, cơ khí, điện tử, viễn thông,...

3. Nông nghiệp

Hoa Kì có nền nông nghiệp đứng hàng đầu thế giới. Năm 2004, nông nghiệp tạo ra giá trị là 105 tỉ USD, chiếm 0,9% GDP.

Cơ cấu giá trị sản lượng nông nghiệp có sự chuyển dịch : giảm tỉ trọng hoạt động thuần nông và tăng tỉ trọng dịch vụ nông nghiệp.

Hình thức tổ chức sản xuất chủ yếu trong nông nghiệp là trang trại, số lượng các trang trại có xu hướng giảm, nhưng diện tích bình quân mỗi trang trại lại tăng. Năm 1935 có 6,8 triệu trang trại với diện tích bình quân là 63 ha, năm 2000 chỉ còn hơn 2,1 triệu trang trại nhưng diện tích bình quân mỗi trang trại lại là 176 ha.



Hình 7.6. Sử dụng phương tiện hiện đại trong sản xuất nông nghiệp ở Hoa Kì

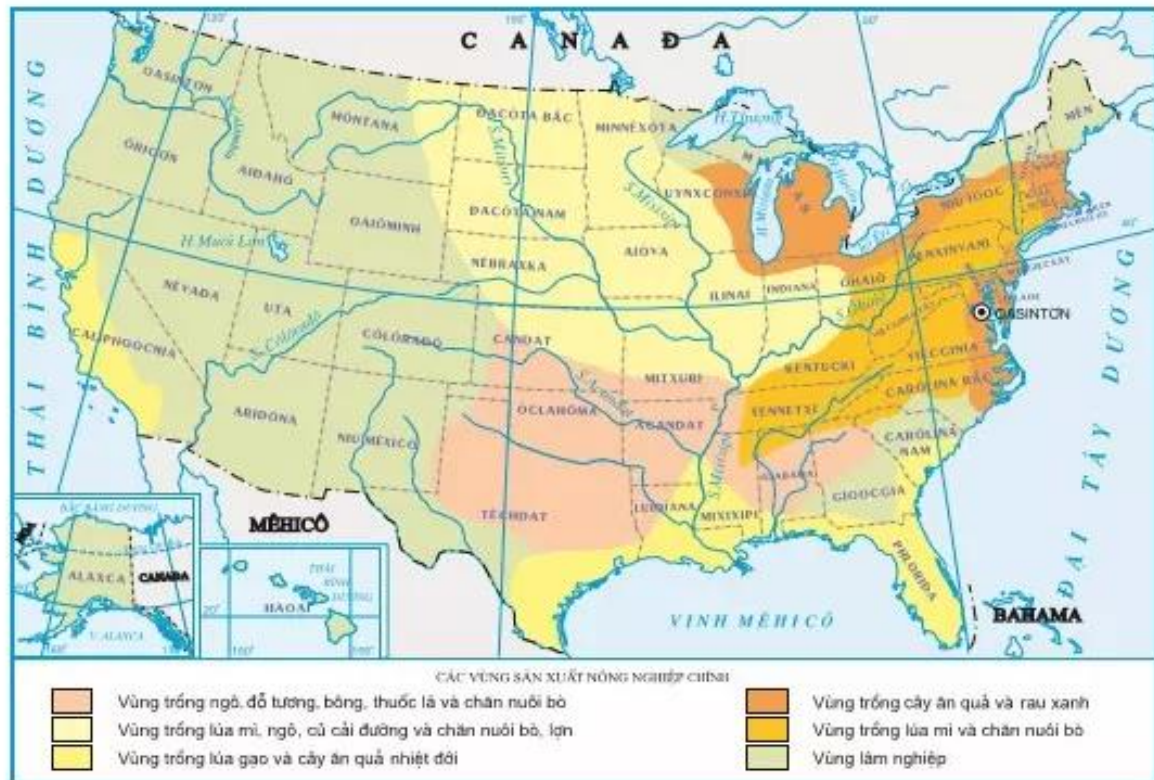
Bảng 7.6. Sản lượng một số nông sản của Hoa Kỳ - năm 2004

Sản phẩm	Sản lượng	Xếp hạng trên thế giới
Ngô (triệu tấn)	298	1
Lúa mì (triệu tấn)	58,7	3
Lúa gạo (triệu tấn)	10,0	11
Bông (triệu tấn)	4,5	2
Đường (triệu tấn)	7,7	4
Đàn bò (triệu con)	94,9	4
Đàn lợn (triệu con)	60,4	2

Dựa vào hình 7.7, hãy trình bày sự phân bố các vùng sản xuất nông nghiệp chính của Hoa Kỳ.

Nền nông nghiệp hàng hoá được hình thành sớm và phát triển mạnh. Các khu vực chủ yếu sản xuất nông sản hàng hoá là : miền Nam (bông, mía, lúa gạo, thuốc lá, đỗ tương...), phía nam Ngũ Hồ (lúa mì, ngô, chăn nuôi bò, củ cải đường...).

Hoa Kỳ là nước xuất khẩu nông sản lớn nhất thế giới. Hàng năm, trung bình xuất khẩu khoảng 10 triệu tấn lúa mì, 61 triệu tấn ngô, 17 đến 18 triệu tấn đỗ tương... Giá trị xuất khẩu nông sản năm 2004 đạt 61,4 tỉ USD. Ngoài ra, nông nghiệp còn cung cấp nguồn nguyên liệu dồi dào cho công nghiệp chế biến.



Hình 7.7. Phân bố các vùng sản xuất nông nghiệp chính của Hoa Kỳ

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Dựa vào bảng 7.4, vẽ biểu đồ cột so sánh GDP của Hoa Kỳ với thế giới và một số châu lục.
2. Chứng minh nền công nghiệp Hoa Kỳ có quy mô lớn nhất thế giới.
3. Trình bày những nguyên nhân ảnh hưởng đến sự phân hoá lãnh thổ sản xuất nông nghiệp của Hoa Kỳ.